

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tp.HCM, tháng 07 - 2006

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1.	Giải thích từ ngữ.	3
Điều 2.	Tên, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty.	4
Điều 3.	Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty.	5
Điều 4.	Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác.	6
CHƯƠNG II	6
NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5.	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu.	6
Điều 6.	Cổ đông sáng lập.	8
Điều 7.	Phát hành cổ phần, trái phiếu.	8
Điều 8.	Mua lại cổ phần.	9
Điều 9.	Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.	10
Điều 10.	Chuyển nhượng cổ phần.	10
Điều 11.	Thừa kế cổ phần.	11
CHƯƠNG III	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	11
Điều 12.	Quyền của cổ đông.	11
Điều 13.	Nghĩa vụ của cổ đông.	13
Điều 14.	Đại hội đồng cổ đông.	13
Điều 15.	Quyền hạn và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông.	14
Điều 16.	Đại diện được ủy quyền.	16
Điều 17.	Triệu tập đại hội đồng cổ đông.	17
Điều 18.	Điều kiện tiến hành đại hội đồng cổ đông và thông qua các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.	18
Điều 19.	Thông qua nghị quyết bằng văn bản.	21
Điều 20.	Biên bản họp đại hội đồng cổ đông.	21
CHƯƠNG IV	22
TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.	22
Điều 21.	Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.	22
Điều 22.	Hội đồng quản trị.	22

Điều 23.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị.....	23
Điều 24.	Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị.	24
Điều 25.	Chủ tịch hội đồng quản trị.....	26
Điều 26.	Họp hội đồng quản trị.	27
Điều 27.	Tổ chức bộ máy quản lý công ty.	29
Điều 28.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.	29
Điều 29.	Thư ký công ty.....	31
Điều 30.	Ban kiểm soát.....	31
Điều 31.	Quyền hạn và trách nhiệm của ban kiểm soát.....	31
Điều 32.	Những vấn đề khác liên quan đến ban kiểm soát.	32
Điều 33.	Nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người quản lý công ty.....	33
Điều 34.	Trách nhiệm và bồi thường trách nhiệm	34
CHƯƠNG V	34
NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, TRẢ CỔ TỨC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	34
Điều 35.	Con dấu.	34
Điều 36.	Hệ thống kế toán.	35
Điều 37.	Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 38.	Năm tài chính.	35
Điều 39.	Trích lập các quỹ.	35
Điều 40.	Trả cổ tức.	36
Điều 41.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.	36
Điều 42.	Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 43.	Thanh lý công ty.....	37
CHƯƠNG VI	37
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 44.	Sửa đổi, bổ sung điều lệ.	38
Điều 45.	Ngày hiệu lực.....	38

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty, Điều lệ này và các quy chế, quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ và phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ được hiểu như sau:
 - 1.1 "Công ty" được hiểu là Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket.
 - 1.2 "Hội đồng Quản trị" được hiểu là Hội đồng quản trị của Công ty: viết tắt là HĐQT.
 - 1.3 "Ban kiểm soát" được hiểu là Ban kiểm soát của Công ty: viết tắt là BKS.
 - 1.4 "Cổ đông" là mọi thể nhân và pháp nhân đang sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - 1.5 "Đại hội đồng cổ đông" được hiểu là toàn bộ các cổ đông hoặc đại diện cổ đông của Công ty: viết tắt là ĐHĐCĐ.
 - 1.6 "Địa bàn kinh doanh" được hiểu là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - 1.7 "Vốn điều lệ" là số vốn do các cổ đông đóng góp, được đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được ghi vào Điều lệ Công ty.
 - 1.8 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - 1.9 "Người quản lý doanh nghiệp" gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng, phó các bộ phận (phòng, ban, ...).
 - 1.10 "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ với doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

"Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp: Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

 - a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
 - b) Công ty con đối với công ty mẹ;
 - c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d) Người quản lý doanh nghiệp;

đ) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

h) Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.”

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET.**

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : **COLUSA - MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt : **COMIFOOD.**

Biểu tượng (Logo) Công ty :

Được diễn tả cụ thể như sau :

2. Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở: 1230 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
Điện thoại: (84-8) 8979204 - 8968541 Fax: (84-8) 8960013
Website: www.miliket-vn.com
Email: colusa@hcm.vnn.vn , miliket@hcm.vnn.vn
4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện và Đơn vị phụ thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty phù hợp với các Nghị Quyết của HĐQT và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề và phạm vi kinh doanh của Công ty.

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty : Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác, không ngừng phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận, tăng cổ tức cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.
2. Ngành nghề kinh doanh :
 - Sản xuất, mua bán các mặt hàng lương thực, thực phẩm chế biến mang nhãn hiệu Miliket, Colusa và các mặt hàng khác trong nước và xuất khẩu ;
 - Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị cơ điện phục vụ sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm;
 - Mua bán: vật tư, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm
 - Nhập khẩu nguyên vật liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm ;
 - Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh ;
 - Mua bán : hàng công nghệ phẩm, bách hoá, hương liệu, gia vị, rượu, bia, thuốc lá ;
 - Mua bán xe ô tô, xe gắn máy, máy nổ ;
 - Dịch vụ rửa xe, sửa xe, bảo trì các loại máy móc thiết bị ;
 - Tham gia đầu tư vào các dự án, đầu tư tài chính ... ;
 - Gia công đóng gói bao bì các loại rau quả sấy, gia vị, đường, bánh kẹo ... ;
 - Sản xuất thùng carton, bao bì đóng gói các loại (không tái chế phế thải giấy, nhựa, kim loại; không chế biến gỗ) ;
 - Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông .

3. Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và những hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty sau khi được HĐQT xem xét thông qua.
4. Phạm vi kinh doanh : Trong và ngoài nước

Điều 4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Các tổ chức chính trị, xã hội và đoàn thể trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp. Pháp luật của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu.

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **48.000.000.000 đồng** (*Bốn mươi tám tỷ đồng Việt Nam*), được chia thành **4.800.000** cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000** đồng. Tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.
2. Cơ cấu vốn điều lệ:
 - 2.1. Vốn thuộc sở hữu Nhà nước : **14.744.000.000 đồng** (*Mười bốn tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu đồng Việt Nam*), chiếm 30,71% vốn điều lệ.
 - 2.1. Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác : **33.256.000.000 đồng** (*Ba mươi ba tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu đồng Việt Nam*), chiếm 69,29% vốn điều lệ.
3. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo Khoản 1 Điều 85 Luật Doanh nghiệp:

”Khoản 1 điều 85 Luật Doanh nghiệp: Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- đ) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
- h) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.”
5. Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong **Sổ đăng ký cổ đông** của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. Số lượng cổ phần mua hay bán của cổ đông sẽ được bộ phận quản lý **Sổ đăng ký cổ đông** ghi tăng, giảm trên sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông đó.
6. Sổ đăng ký cổ đông:
- 6.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 6.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 6.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
- 6.4 Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.
7. Trong trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, hư hỏng, nhòe, mờ ... hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông có quyền đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
- Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
- Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ.

- Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 6. Cổ đông sáng lập.

Cổ đông sáng lập là các cổ đông thỏa mãn các điều kiện sau :

1. Tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
2. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
3. Sở hữu ít nhất 3% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập Công ty.
4. Danh sách cổ đông sáng lập: xem tại phụ lục 01. Phụ lục 01 là phần không tách rời của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động này.

Điều 7. Phát hành cổ phần, trái phiếu.

1. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phần, trái phiếu và các quyền kèm theo để huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phần, trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Việc chào bán phải thực hiện theo quy tắc sau:

Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng trên ba số báo liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành.

Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

3. Trong trường hợp công ty chào bán cổ phần riêng lẻ ra công chúng thì các điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần phải thực hiện theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Điều 8. Mua lại cổ phần.

Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính Công ty, việc mua lại cổ phần của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định theo quy định tại Điều lệ này. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán khi xét thấy cần thiết. Việc mua bán cổ phần ngân quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể :

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông :
 - 1.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
 - 1.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong các trường hợp quy định tại mục 1.1 điều này theo giá thị trường hoặc giá thoả thuận trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty : Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây :
 - 2.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - 2.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác, thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
 - 2.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có : tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 9. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.
5. Trong trường hợp thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ những trường hợp được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này. Việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ đúng **Quy chế chuyển nhượng cổ phần** do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng trong các trường hợp quy định tại **Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp**, cụ thể như sau:

Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không được chuyển nhượng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền sở hữu trong thời gian đương nhiệm, trừ các trường hợp đặc biệt được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
4. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Thị trường Chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phiếu phải tuân theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.

Điều 11. Thừa kế cổ phần.

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Trường hợp cổ đông qua đời và chỉ có một người thừa kế duy nhất theo luật định, Công ty sẽ công nhận người thừa kế duy nhất đó có quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của người đã mất.
3. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế theo pháp luật :
 - 3.1 Nếu những người cùng thừa kế thống nhất cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng theo đúng quy định pháp luật thì người đại diện đó sẽ được Công ty công nhận là người có quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của người đã mất.
 - 3.2 Nếu những người cùng thừa kế thống nhất phân chia số cổ phần thừa kế và được lập thành văn bản có công chứng theo đúng quy định pháp luật thì Công ty sẽ công nhận những người cùng thừa kế này là cổ đông của Công ty tương ứng với số cổ phần mà họ được thừa kế.
 - 3.3 Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người cùng thừa kế theo pháp luật.
 - 3.4 Trong thời gian đang tranh chấp, Công ty tạm thời giữ lại số cổ phần đang tranh chấp đó cho đến khi việc tranh chấp được giải quyết xong và có người đại diện hợp pháp.
4. Khi có quyền thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.
5. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế và không có di chúc để lại, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xung vào Ngân sách Nhà nước.
6. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Người quản lý doanh nghiệp khác cũng được thừa kế theo quy định tại điều này, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không đương nhiên được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng của người đã mất.

CHƯƠNG III

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Điều 12. Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây :

- 1.1 Tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại các kỳ Đại hội cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

Tuy nhiên, để đảm bảo cho sự thành công của Đại hội cũng như điều kiện và khả năng tổ chức của Công ty từng thời điểm, Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quy định tỷ lệ sở hữu tối thiểu để được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (mức tối thiểu này không được cao hơn 1% vốn điều lệ của Công ty). Trong trường hợp các cổ đông không đủ tỷ lệ sở hữu tối thiểu có thể gộp cổ phiếu lại với nhau và cử người đại diện tham dự Đại hội.
- 1.2 Nhận cổ tức hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 1.3 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này.
- 1.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ khi Công ty phát hành thêm cổ phần.
- 1.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- 1.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 1.7 Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ khác.
- 1.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ này.
- 1.9 Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:
 - 2.1 Đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - 2.2 Xem và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm của Công ty và các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - 2.3 Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại **Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp**. Yêu cầu phải được làm bằng văn bản và có đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

”Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

 - a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;”

- 2.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải được làm bằng văn bản và có đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 2.5 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.

1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty. Chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thời gian và thủ tục quy định; đồng thời chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
4. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 4.1 Vi phạm pháp luật.
 - 4.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - 4.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và được tổ chức mỗi năm một lần tại Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - 3.2 Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
 - 3.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.

- 3.4 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 3.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường :
 - 4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3.2 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3.3 và khoản 3.4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
 - 4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
 - 4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.2 Điều này, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - 4.4 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4.1, 4.2 và 4.3 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.
5. Tất cả chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Những chi phí này không bao gồm những chi phí đi lại, ăn ở và chi tiêu của cổ đông khi tham dự Đại hội.

Điều 15. Quyền hạn và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau :
 - 1.1 Báo cáo tài chính hàng năm;
 - 1.2 Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - 1.3 Báo cáo của Hội đồng Quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - 1.4 Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán;
 - 1.5 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - 1.6 Kế hoạch kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường :

- 2.1 Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- 2.2 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- 2.3 Thông qua kết quả kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán;
- 2.4 Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- 2.5 Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- 2.6 Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 2.7 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 2.8 Thông qua tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 2.9 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 2.10 Quyết định việc sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 2.11 Xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- 2.12 Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 2.13 Quyết định việc mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 2.14 Quyết định việc ký kết và thực hiện các hợp đồng theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp;

”Điều 120 Luật Doanh nghiệp: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.”

2.15 Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông sẽ không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng quy định tại **Điều 120 Luật Doanh nghiệp** nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan là một bên của hợp đồng đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và ra nghị quyết để thông qua các vấn đề đã được đưa vào chương trình Đại hội.

Điều 16. Đại diện được ủy quyền.

1. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện các quyền của cổ đông bằng văn bản ủy quyền. Có 2 trường hợp ủy quyền :
 - 1.1 *ủy quyền biểu quyết* : Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tại Đại hội. Việc ủy quyền biểu quyết sẽ mất hiệu lực ngay sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền trong trường hợp này được gọi là đại diện biểu quyết.
 - 1.2 *ủy quyền sở hữu* : Cổ đông ủy quyền cho người khác thực hiện tất cả các quyền liên quan đến cổ phần của mình, bao gồm : tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nhận cổ tức và các quyền khác. Người được ủy quyền trong trường hợp này được gọi là đại diện sở hữu.
2. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại diện được ủy quyền không được là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc của các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty.
3. Đại diện được ủy quyền không được ủy quyền lại lần thứ hai cho người khác.
4. Cổ đông là pháp nhân có quyền cử một hoặc một số người đại diện được ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần đại diện của mỗi người.
5. Văn bản ủy quyền phải được ký bởi người ủy quyền đối với trường hợp cổ đông là thể nhân, và phải được ký, đóng dấu bởi người đại diện theo pháp luật đối với trường hợp cổ đông là pháp nhân.

6. Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ủy quyền ký, đóng dấu (nếu có).
7. Trường hợp cổ đông là pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân, thì cổ đông mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về việc công nhận cổ đông, số cổ phần sở hữu.

Điều 17. Triệu tập đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 4.2 và khoản 4.3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị gia hạn với cơ quan đăng ký kinh doanh, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - 3.1 Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
 - 3.2 Chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội, các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - 3.3 Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - 3.4 Thông báo bằng văn bản cho tất cả các cổ đông về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và những tài liệu cần thiết có liên quan phải được gửi chậm nhất bảy (07) ngày trước ngày tổ chức Đại hội.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho cấp triệu tập Đại hội ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội.
6. Cấp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 5 Điều này nếu :
 - 6.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - 6.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - 6.3 Đề xuất không đủ thông tin cần thiết;
 - 6.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề sẽ được thảo luận hoặc biểu quyết trong chương trình Đại hội.

8. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết đều trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, thì nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 18. Điều kiện tiến hành đại hội đồng cổ đông và thông qua các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông và người được ủy quyền tham dự đại diện cho ít nhất **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.
2. Trường hợp không đủ số lượng tham dự cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì Đại hội phải được triệu tập họp lần thứ 2 trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong Đại hội được triệu tập lần thứ hai, số lượng cổ đông và người được ủy quyền tham dự phải đại diện cho ít nhất **51% (năm mươi một phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành liên tục cho đến khi đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
5. Khi tiến hành đăng ký kiểm tra tư cách cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một số Phiếu biểu quyết có ghi mã số biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
6. Tổng số phiếu tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội sẽ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa Đại hội.
7. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và sau đó có quyền tham gia biểu quyết những vấn đề chưa được Đại hội biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa có quyền phán quyết cao nhất đối với các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình nghị sự của Đại hội.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:
 - 9.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - 9.2 Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

10. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội cũng có thể hoãn Đại hội nếu Đại hội nhất trí vì lý do hợp lý bất kỳ.
11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
12. Chủ tọa hoặc Thư ký Đại hội được quyền hành động thích hợp để điều khiển Đại hội diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.
13. Hội đồng quản trị có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội. Hội đồng quản trị có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ các biện pháp kiểm tra an ninh theo quy định.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
15. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 16 và khoản 19 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi ít nhất **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
16. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Công ty thì phải được thông qua bởi ít nhất **75% (bảy mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
17. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
18. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

19. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **75% (bảy mươi lăm phần trăm)** tổng số cổ phiếu biểu quyết chấp thuận. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo **Điều 105 Luật Doanh nghiệp**.

”Điều 105 Luật Doanh nghiệp:

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”

20. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 19. Thông qua nghị quyết bằng văn bản.

1. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Để thông qua nghị quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau :
 - 2.1 Soạn thảo các vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết, hình thức và nội dung phiếu biểu quyết.
 - 2.2 Gửi phiếu biểu quyết kèm theo các tài liệu liên quan cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Nội dung phiếu biểu quyết phải phù hợp với quy định tại Điều 105 khoản 3 Luật DN;
 - 2.3 Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.
 - 2.4 Thông báo kết quả biểu quyết và các vấn đề được thông qua cho tất cả cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ kết thúc kiểm phiếu.

Điều 20. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành biên bản. Biên bản phải phản ánh đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây :
 - 1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - 1.2 Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3 Chương trình và nội dung làm việc;
 - 1.4 Chủ tọa và Thư ký;
 - 1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - 1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự; phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - 1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết; trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - 1.8 Các vấn đề đã được thông qua;
 - 1.9 Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi tuyên bố bế mạc Đại hội.
3. Chủ tọa và Thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
4. Các biên bản Đại hội, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông và giấy ủy quyền tham dự Đại hội phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Ban Tổng Giám đốc;
5. Các phòng ban, chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Công ty.

Điều 22. Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên.

2. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 03 (ba) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại sau khi hết nhiệm kỳ.
Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị :
 - 3.1 Là cổ đông thể nhân hoặc là người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân;
 - 3.2 Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - 3.3 Là cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.
 - 3.4 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.
4. Việc đề cử người ứng cử vị trí thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - 4.1 Mỗi cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - 4.2 Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào HĐQT; nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 4 thành viên.
5. Điều kiện về thời gian nắm giữ cổ phần không áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thành lập.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành, quản lý Công ty.

Điều 23. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây :
 - 1.1 Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này;
 - 1.2 Thành viên Hội đồng quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản;
 - 1.3 Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - 1.4 Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để bổ sung thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - 2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 2.2 Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - 2.3 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.4 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 2.5 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - 2.6 Quyết định việc Công ty mua lại đến 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã bán và mức giá mua lại từng loại cổ phần;
 - 2.7 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - 2.8 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp;

”Điều 120 Luật Doanh nghiệp:

Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo

pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.”

- 2.9 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các chức danh quản lý quan trọng khác của Công ty nếu Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết và vì lợi ích của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- 2.10 Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 2.11 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập hoặc giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 2.12 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 2.13 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 2.14 Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ ...;
- 2.15 Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 2.16 Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 2.17 Bất kỳ vấn đề nào khác mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
3. Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo về :
- 3.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị;

- 3.2 Hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp của Công ty;
- 3.3 Tình hình hoạt động của Công ty.
Nếu Hội đồng quản trị không thực hiện những báo cáo trên, thì báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và không được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo Quy chế tài chính của Công ty.
6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 25. Chủ tịch hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn thì trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 26. Hội đồng quản trị.

1. **Họp thường kỳ** : Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một lần.
2. **Họp Hội đồng quản trị bất thường** : Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản, nêu rõ mục đích và lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng sau đây :
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc;
 - c. ít nhất 05 (năm) Người quản lý doanh nghiệp;
 - d. ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
3. **Địa điểm họp** : Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định và được các thành viên khác nhất trí.
4. **Thông báo và chương trình họp**: Các thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi thông báo họp Hội đồng quản trị chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối tham dự họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp, những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, và phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp trực tiếp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức từ xa thông qua hệ thống **Hội nghị truyền hình**, điều kiện đảm bảo cho cuộc họp thành công là tất cả các thành viên dự họp có thể nhìn thấy nhau và cùng nghe thấy khi thành viên Hội đồng quản trị phát biểu ý kiến.
6. **Số lượng thành viên tham dự tối thiểu** : Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp.
7. **Biểu quyết** :
 - 7.1 Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - 7.2 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích liên quan và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

- 7.3 Thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại **Điều 120 của Luật Doanh nghiệp** sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.
8. **Tuyên bố lợi ích** : Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó khi Hội đồng quản trị họp để xem xét trước khi ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch đó.
9. **Biểu quyết đa số** : Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. **Biểu quyết vắng mặt** : Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được đựng trong phong bì kín và gửi tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.
11. **Biên bản họp Hội đồng Quản trị**: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 11.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- 11.2 Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- 11.3 Thời gian, địa điểm họp;
- 11.4 Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- 11.5 đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- 11.6 Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- 11.7 Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 11.8 Các quyết định đã được thông qua;
- 11.9 Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
- Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.
- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.
12. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý công ty.

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy quản lý, điều hành Công ty, ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và các quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Công ty. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc theo nhu cầu quản lý điều hành và Kế toán trưởng Công ty. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng có thể là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu Người quản lý doanh nghiệp của Công ty. Người quản lý doanh nghiệp của Công ty phải có năng lực và có trách nhiệm trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu và kế hoạch mà Hội đồng quản trị đã đề ra.
3. Mức lương, thù lao, quyền lợi, trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, được quy định trong hợp đồng lao động. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty do Tổng Giám đốc quyết định theo quy chế của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng Người quản lý doanh nghiệp.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Tổng Giám đốc hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc, đồng thời phải ký hợp đồng lao động quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác của hợp đồng.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 03 (ba) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, thì Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
4. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau :
 - 4.1 Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 4.2 Có trình độ Đại học trở lên;
 - 4.3 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - 4.4 Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và Điều lệ Công ty;

- 4.5 Không kiêm nhiệm các chức vụ quản lý tại các tổ chức kinh tế có cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty; không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
5. Tổng Giám đốc không được là những người sau đây:
 - 5.1 Người vị thành niên;
 - 5.2 Người không đủ năng lực hành vi dân sự;
 - 5.3 Người đã bị kết án và đang thi hành án;
 - 5.4 Nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và
 - 5.5 Người mà trước đây từng lãnh đạo doanh nghiệp bị phá sản.
6. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - 6.1 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - 6.2 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình;
 - 6.3 Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - 6.4 Kiến nghị phương án tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - 6.5 Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 6.6 Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các lợi ích khác đối với Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - 6.7 Quyết định tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mức lương, trợ cấp, và lợi ích khác của các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
 - 6.8 Lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở định hướng kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty;
 - 6.9 Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty để phục vụ cho việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch kinh doanh và tài chính của Công ty;
 - 6.10 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - 6.11 Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
7. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.
8. Nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng quản trị sẽ bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 29. Thư ký công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định 01 (một) nhân viên trong Công ty làm Thư ký Công ty để giúp Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau :

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
2. Lập biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
5. Tiếp nhận, báo cáo và phản hồi lại các vấn đề do cổ đông đặt ra.

Điều 30. Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên và có nhiệm kỳ 03 (ba) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại sau khi hết nhiệm kỳ.
2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát :
 - 4.1 Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 4.2 Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - 4.3 Có kinh nghiệm công tác, có hiểu biết về kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
 - 4.4 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.
 - 4.5 Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên đề cử để bầu vào Ban kiểm soát.
 - 4.6 Không giữ các chức vụ quản lý trong công ty.
5. Điều kiện về thời gian nắm giữ cổ phần không áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thành lập.

Điều 31. Quyền hạn và trách nhiệm của ban kiểm soát.

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định và trình báo cáo thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo tài chính hàng năm, sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, cộng tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết, hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Khi có yêu cầu hợp lệ, Ban kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
6. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
10. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
11. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Những vấn đề khác liên quan đến ban kiểm soát.

1. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng thành viên Ban kiểm soát giảm so với quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong kỳ Đại hội gần nhất. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau :
 - 3.1 Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
 - 3.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo của các thành viên Ban kiểm soát;
 - 3.3 Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.4 Phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.
3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy chế tài chính của Công ty.
4. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải là 02 (hai) thành viên.
5. Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau :
 - 6.1 Thành viên Ban kiểm soát không còn đủ tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ này.
 - 6.2 Thành viên Ban kiểm soát xin từ từ nhiệm bằng văn bản.
 - 6.3 Thành viên Ban kiểm soát không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - 6.4 Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền của mình đang giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát phải đề xuất bằng văn bản với Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát còn lại để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ Đại hội gần nhất.

Điều 33. Nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người quản lý công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 34. Trách nhiệm và bồi thường trách nhiệm

1. **Trách nhiệm** : Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp của Công ty phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của Công ty về những thiệt hại khi :
 - 1.1 Hành động không trung thực;
 - 1.2 Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty.
2. **Bồi thường trách nhiệm** : Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, có trách nhiệm, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp và không có người nào khác xác nhận họ đã có vi phạm. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm : chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, các Người quản lý doanh nghiệp ... để tránh phải chi trả các khoản bồi thường phát sinh.

CHƯƠNG V

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, TRẢ CỔ TỨC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

Điều 35. Con dấu.

1. Công ty sẽ khắc con dấu chính thức theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại Cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
3. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 36. Hệ thống kế toán.

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.
4. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét.
5. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:
 - 5.1 Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 5.2 Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính;
 - 5.3 Báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty;
 - 5.4 Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức ...

Điều 37. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật nếu xét thấy cần thiết.

Điều 38. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 39. Trích lập các quỹ.

1. Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty sẽ được trích bổ sung Quỹ dự phòng tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành. Mức trích bổ sung hàng năm không vượt quá 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Công ty.
2. Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua bao gồm :
 - 2.1 Quỹ đầu tư phát triển : trích tối đa là 10% lợi nhuận sau thuế;

2.2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi : trích tối đa là 15% lợi nhuận sau thuế.

Điều 40. Trả cổ tức.

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty, theo mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.
4. Trường hợp cổ đông chưa đến nhận cổ tức, Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.
5. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác như cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty hoặc Công ty khác. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
6. Nếu cổ tức được chi trả bằng tiền thì phải trả bằng Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt, séc, lệnh chuyển tiền hoặc theo yêu cầu hợp lý của cổ đông.
7. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Sau khi chi trả, những loại cổ phần phát hành để chi trả cổ tức sẽ có tất cả những quyền lợi và trách nhiệm như những cổ phần cùng loại hiện đang lưu hành của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Hội đồng quản trị quyết định ngày khoá sổ cổ đông để chi trả cổ tức và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày khoá sổ mới có quyền nhận cổ tức. Ngày khoá sổ cổ đông có thể là cùng ngày hoặc trước ngày thực hiện chi trả cổ tức. Việc khoá sổ cổ đông phải đảm bảo không ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khi chuyển nhượng cổ phiếu.

Điều 41. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa : một hoặc nhiều cổ đông với Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý doanh nghiệp của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài Thương mại hoặc Tòa án để giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử, Tòa án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

Điều 42. Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 1.2 Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - 1.3 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 43. Thanh lý công ty.

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc thuê chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :
 - 3.1 Chi phí thanh lý Công ty;
 - 3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;
 - 3.3 Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
 - 3.4 Các khoản vay (nếu có);
 - 3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 3.6 Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG VI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, NGÀY HIỆU LỰC

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 45. Ngày hiệu lực.

1. Điều lệ này bao gồm 06 (sáu) Chương và 45 (bốn mươi lăm) Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket nhất trí thông qua ngày 27 tháng 07 năm 2006 và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông của Công ty.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản chính và có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT.

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

S T T	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần sở hữu	% vốn điều lệ	Ký tên
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh, Quận 1, Tp.HCM	1.474.400	30,71%	

2	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	152 Trần Phú, Quận 5, Tp.HCM	960.000	20,00%	
3	Công ty TNHH TM và DV Mesa	20 Bùi Thị Xuân, Phường BTX, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.	336.000	7,00%	
4	Xí nghiệp tư doanh Tam Ba	55 Trần Quang Khải, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	160.500	3,34%	
5	Ông Trịnh Việt Dũng	47 Hàng Đào, Hà Nội	160.500	3,34%	
TỔNG CỘNG			3.091.400	64,39%	